TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/DS - ST
Ngày: 12 - 10 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Khêm

Ông Nguyễn Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Thi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hùng Cường, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2018/TLST-DS, ngày 12/7/2018, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi";* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2018/QĐXXST- DS, ngày 19 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Kim Thị P, sinh năm 1968, vắng mặt;

Cư trú tại: Ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Kim Thị P: Anh Trầm Phú L, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp Đ, xã S, huyện C, tỉnh Trà Vinh *(Văn bản ủy quyền ngày 27/02/2018),* có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1965;

Bà Đinh Thị Q, sinh năm 1969;

Cùng cư trú tại: Ấp R, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Tất cả có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/6/2018, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Kim Thị P là anh Trầm Phú L trình bày:

Vào ngày 15/8/2012, bà Kim Thị P có tham gia dây hụi do vợ chồng ông Nguyễn Quốc K, bà Đinh Thị Q làm chủ đầu thảo (Chủ hụi) hai bên thỏa thuận chơi hụi với nội dung và hình thức như sau:

Loại hụi 3.000.000 đồng, hụi 03 tháng khui 01 một lần, các bên thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản nhưng đầu thảo có giao danh sách hụi viên để các hụi viên theo dõi, số người tham gia trong dây hụi gồm có 20 người, 20 phần. Kỳ mở hụi đầu tiên vào ngày 15/8/2012, người nào bỏ thăm cao nhất thì lãnh hụi và trả huê hồng cho chủ đầu thảo số tiền 1.500.000 đồng.

Trong dây hụi này bà P tham gia 01 phần, bà P đã đóng được 12 lần hụi sống thì vợ chồng ông K, bà Q tuyên bố bể hụi và không có khui hụi tiếp. Tổng cộng bà P đã đóng được 12 lần hụi sống nhưng bà P không nhớ mỗi lần khui hụi bà đóng bao nhiêu tiền và họ tên người đã lãnh hụi trong 12 lần bà cũng không biết vì bà P không có theo dõi. Đến ngày 10/12/2017, thì bà Q có tính toán tiền hụi với bà P trong 12 lần thì bà P đóng bằng 20.000.000 đồng, bà Q có gửi trả 1.000.000 đồng còn nợ lại 19.000.000 đồng và bà Q có viết và ký tên vào biên nhận cho bà P giữ. Sau khi chốt nợ bà Q, ông K không có gửi trả thêm bất cứ số tiền nào cả.

Việc bà Q làm chủ đầu thảo hụi và nợ tiền hụi, ông K vẫn biết vì ông K, bà Q còn tồn tại trong thời kỳ hôn nhân. Trong danh sách hụi viên bà Q giao cho hụi viên để theo dõi để đầu thảo hụi là vợ chồng Ba K.

Nay anh Trầm Phú L là người đại diện cho bà Kim Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Quốc K, bà Đinh Thị Q có trách nhiệm trả cho bà P số tiền hụi sống mà bà Q, ông K còn nợ bà bằng 19.000.000 đồng. Bà Kim Thị P không yêu cầu tính lãi. Anh Trầm Phú L có đơn yêu cầu xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2018, bị đơn bà Đinh Thị Q trình bày:

Vào ngày 15/8/2012, bà Q có làm chủ đầu thảo mở dây hụi loại hụi 3.000.000 đồng, hụi 03 tháng khui 01 một lần, các bên thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản nhưng bà có giao danh sách hụi viên để các hụi viên theo dõi, số người tham gia trong dây hụi gồm có 20 người, 20 phần. Kỳ mở hụi đầu tiên vào ngày 15/8/2012, người nào bỏ thăm cao nhất thì lãnh hụi và trả huê hồng cho chủ đầu thảo số tiền 1.500.000 đồng.

Trong dây hụi này, bà Kim Thị P tham gia 01 phần, bà P đã đóng được 12 lần hụi sống thì bà Q tuyên bố bể hụi và không có khui hụi tiếp. Vào ngày 10/12/2017, giữa bà và bà P có tính toán với nhau tổng cộng bà P đã đóng được 12 lần hụi sống bằng 20.000.000 đồng, bà Q có gửi trả 1.000.000 đồng cho bà P và bà còn nợ lại 19.000.000 đồng và bà Q có viết và ký tên vào biên nhận cho bà P giữ. Sau khi chốt nợ bà Q có gửi thêm cho bà P số tiền 1.500.000 đồng nhưng bà không có chứng cứ chứng minh cho việc bà có trả cho bà P số tiền 1.500.000 đồng. Bà Q chỉ còn nợ bà P số tiền 17.500.000 đồng và bà đồng ý trả số tiền này.

Việc bà Q làm chủ đầu thảo hụi và nợ tiền hụi bà P, ông K chồng bà không biết, tuy sống chung nhưng tiền ai người đó sử dụng, hiện nay hôn nhân của bà Q và ông K vẫn còn tồn tại. Trong danh sách hụi viên bà Q cho hụi viên theo dõi có để đầu thảo hụi là vợ chồng Ba K.

Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Quốc K, bà Đinh Thị Q có trách nhiệm trả cho bà P số tiền hụi sống mà bà Q, ông K còn nợ bà bằng 19.000.000 đồng. Bà Kim Thị P không yêu cầu tính lãi.

Bà Q không đồng ý chỉ đồng ý trả cho bà P số tiền 17.500.000 đồng và bà trả nợ một mình, ông K không có trách nhiệm trả nợ cùng bà. Bà Đinh Thị Q có đơn yêu cầu xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/8/2018, bị đơn ông Nguyễn Quốc K trình bày:

Ông là chồng của bà Đinh Thị Q, ông và bà Q xác lập quan hệ hôn nhân vào khoảng năm 1987, cho đến nay hôn nhân của ông bà vẫn còn tồn tại. Việc bà Q làm chủ đầu thảo hụi và giao dịch hụi ông hoàn toàn không biết vì ông không có tham gia cùng. Tuy sống chung nhà nhưng tiền ai người đó sử dụng và ông không đồng ý trả nợ cho bà Kim Thị P như bà P yêu cầu mà bà Q có nghĩa vụ trả nợ một mình. Ông Nguyễn Quốc K có đơn yêu cầu xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất: Vào ngày 15/8/2012, bà Đinh Thị Q thống nhất có làm đầu thảo (Chủ hụi), loại hụi 3.000.000 đồng, hụi 03 tháng khui 01 một lần, hụi gồm có 20 người, 20 phần. Kỳ mở hụi đầu tiên vào ngày 15/8/2012, người nào bỏ thăm cao nhất thì lãnh hụi và trả huê hồng cho chủ đầu thảo số tiền 1.500.000 đồng. Trong dây hụi bà P tham gia 01 phần, bà P đã đóng được 12 lần hụi sống thì hụi bể. Vào ngày 10/12/2017, thì bà Q có tính toán tiền hụi với bà P, trong 12 lần hụi bà P đóng bằng 20.000.000 đồng, bà Q có gửi trả 1.000.000 đồng còn nợ lại 19.000.000 đồng và bà Q có viết và ký tên vào biên nhận cho bà P giữ.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất**:**

Bà Kim Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Quốc K, bà Đinh Thị Q có trách nhiệm trả cho bà P số tiền hụi sống mà bà Q, ông K còn nợ bà bằng 19.000.000 đồng. Bà Kim Thị P không yêu cầu tính lãi.

Bà Đinh Thị Q chỉ đồng ý trả cho bà P số tiền 17.500.000 đồng và bà có nghĩa vụ trả nợ một mình, ông K không phải trả cùng. Ông Nguyễn Quốc K không đồng ý có nghĩa vụ liên đới cùng bà Q trả nợ cho bà P.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án. Xét thấy, số tiền bà Kim Thị P khởi kiện ông Nguyễn Quốc K, bà Đinh Thị Q trả số tiền hụi 19.000.000 đồng là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà P. Về án

phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi"*. Bị đơn cư trú tại huyện Tiểu Cần nên căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn bà Kim Thị P là anh Trầm Phú L; Bị đơn bà Đinh Thị Q, ông Nguyễn Quốc K vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đúng theo quy định. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung:

[1] Bà Đinh Thị Q thừa nhận vào ngày 15/8/2012, bà có làm đầu thảo (Chủ hụi), loại hụi 3.000.000 đồng, hụi 03 tháng khui 01 một lần, hụi gồm có 20 người, 20 phần. Kỳ mở hụi đầu tiên vào ngày 15/8/2012, người nào bỏ thăm cao nhất thì lãnh hụi và trả huê hồng cho chủ đầu thảo số tiền 1.500.000 đồng. Bà có giao danh sách hụi viên cho các hụi viên theo dõi. Trong dây hụi này bà Kim Thị P tham gia 01 phần, bà P đã đóng được 12 lần hụi sống thì bà tuyên bố bể hụi và không khui tiếp. Vào ngày 10/12/2017, bà Q và bà P có tính toán tiền hụi với nhau, trong 12 lần đóng hụi sống bà P đã đóng được 20.000.000 đồng, bà Q có gửi trả cho bà P 1.000.000 đồng, bà Q còn nợ lại bà P 19.000.000 đồng, bà Q có viết và ký tên vào biên nhận cho bà P giữ đây là tình tiết nguyên đơn bà Kim Thị P không cần phải chứng minh theo quy định Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Đinh Thị Q cho rằng sau khi chốt nợ vào ngày 10/12/2017, bà có trả thêm cho bà P số tiền 1.500.000 đồng bà chỉ còn nợ 17.500.000 đồng nhưng bà Đinh Thị Q không có chứng cứ chứng minh cho việc bà có trả số tiền này nên bà Q phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Việc bà Đinh Thị Q cho rằng ông Nguyễn Quốc K chồng bà không biết việc bà giao dịch hụi, không có tham gia giao dịch cùng là không có cơ sở. Vì hôn nhân giữa bà và ông K vẫn còn tồn tại, ông bà vẫn sống chung nhà nên việc bà có tham gia làm đầu thảo hụi thì ông K phải biết. Mặc khác, tại danh sách hụi mà bà Q giao cho các hụi viên theo dõi thì bà để chủ đầu thảo là vợ chồng Ba K, việc này đã chứng minh là bà Q mở hụi thì vợ chồng bà cùng biết nên căn cứ vào Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì bà Đinh Thị Q và ông Nguyễn Quốc K phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Kim Thị P.

[3] Yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị P buộc bà Đinh Thị Q và ông Nguyễn Quốc K có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ hụi bằng 19.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[4] Về án phí: Buộc bị đơn bà Đinh Thị Q và ông Nguyễn Quốc K phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về đề nghị của Kiểm sát viên: Xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà hôm nay về việc giải quyết vụ án là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, 91, 92, 97; Điều 147, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ, về họ, hụi, biêu, phường;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thị P về việc yêu cầu ông Nguyễn Quốc K, bà Đinh Thị Q có nghĩa vụ trả cho bà P số tiền nợ hụi bằng 19.000.000 đồng. Bà P không yêu cầu tính lãi.

Buộc ông Nguyễn Quốc K, bà Đinh Thị Q có nghĩa vụ trả cho bà Kim Thị P số tiền hụi còn nợ bằng **19.000.000** đồng *(Dây hụi mở ngày 15/8/2012, loại hụi 3.000.000 đồng)*. Bà Kim Thị P không yêu cầu tính lãi.

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Quốc K, bà Đinh Thị Q phải chịu 950.000 đồng.

Bà Kim Thị P là người dân tộc Khơme sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và thuộc trường hợp được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bà Kim Thị P được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Tú Trinh